

Số: **975**/STC-QLNS

Tuyên Quang, ngày **15** tháng 7 năm 2019

V/v đề nghị thẩm định Dự thảo
văn bản quy phạm pháp luật

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 78/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 132/2015/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 6 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Thực hiện Thông báo số 25/TB-UBND ngày 23/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kết luận của Ủy ban nhân dân tỉnh tại kỳ họp tháng 3 năm 2019, trong đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết luận: “*Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định số 17/2010/QĐ-UBND ngày 18/8/2010 về việc thành lập và ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang và Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 31/10/2013 về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang*”.

Sở Tài chính đã xây dựng dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động và quản lý sử dụng Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang. Sau khi xin ý kiến tham gia của các ngành và đăng tải xin ý kiến trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang, Sở Tài chính đã hoàn chỉnh dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Sở Tài chính trân trọng đề nghị Sở Tư pháp thẩm định Dự thảo nêu trên để Sở Tài chính hoàn thiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.

(Tài liệu gửi kèm: Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; Bảng tổng hợp giải trình các ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị; Bản photocopy văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan, đơn vị).

Nơi nhận:

- Như trên (để thẩm định);
- Lưu: VT, QLNS (h3).

GIÁM ĐỐC



Hà Trung Kiên

Số: /TT-STC

Tuyên Quang, ngày tháng 4 năm 2019



TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Quyết định ban hành Quy chế tổ chức hoạt động và quản lý sử dụng Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 78/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 132/2015/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 6 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Thực hiện Thông báo số 25/TB-UBND ngày 23/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kết luận của Ủy ban nhân dân tỉnh tại kỳ họp tháng 3 năm 2019, trong đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết luận: “*Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định số 17/2010/QĐ-UBND ngày 18/8/2010 về việc thành lập và ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang và Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 31/10/2013 về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang*”, Sở Tài chính đã xây dựng dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động và quản lý sử dụng Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang. Sau khi xin ý kiến tham gia của các ngành và đăng tải xin ý kiến trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang, Sở Tài chính đã hoàn chỉnh dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ban hành Quyết định Quy chế tổ chức hoạt động và quản lý sử dụng Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

1. Sự cần thiết ban hành Quyết định

1.1. Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 17/2010/QĐ-UBND ngày 18/8/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc thành lập và ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang, có hiệu lực thi hành từ ngày 28/8/2010 và Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 31/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang, có hiệu lực thi hành từ ngày 31/10/2013 trên cơ sở các nội dung, quy định tại Nghị định 80/2006/NĐ-CP ngày 09/08/2006 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Quyết định số 34/2005/QĐ-TTg ngày 22/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Quyết định số 35/2008/QĐ-TTg ngày 03/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức hoạt động của Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam. Việc ban hành Quyết định nêu trên đã kịp thời hỗ trợ tài chính cho các chương trình, dự án liên quan đến hoạt động bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, phòng, chống khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực sau: khắc phục sự cố môi trường (cần thiết phải xử lý tức thời, khẩn cấp) về ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí, xử lý chất thải... theo quyết định của UBND tỉnh; di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, xử lý triệt để ô nhiễm; Hỗ trợ kinh phí cho các ý tưởng sáng tạo để thử nghiệm ứng dụng thành công những sáng kiến, tiến bộ khoa học - kỹ thuật về bảo vệ môi trường; Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về môi trường, phổ cập kiến thức về bảo vệ môi trường cho cộng đồng và tổ chức các giải thưởng về bảo vệ môi trường; Các dự án xử lý chất thải; cải tạo môi trường; đầu tư mới; duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước thải; Xây dựng, thử nghiệm, phổ biến và nhân rộng các mô hình cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường; Xây dựng các chương trình, dự án nhằm vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho bảo vệ môi trường. Từ khi đi vào hoạt động đến nay, Quỹ hoạt động bằng vốn cấp bổ sung hàng năm và vốn bổ sung từ kinh doanh. Công tác tài chính - kế toán của Quỹ đảm bảo chặt chẽ, phù hợp chuẩn mực kế toán Việt Nam và tuân thủ đúng các quy định của Bộ Tài chính; các nghiệp vụ kinh tế phát sinh qua hệ thống ngân hàng thương mại đều được theo dõi, hạch toán và đối chiếu chặt chẽ.

1.2. Kết quả đạt được theo từng chức năng, nhiệm vụ:

a) Hoạt động huy động vốn: Ngoài số vốn trích lập từ nguồn thu phí bảo vệ môi trường bổ sung hàng năm được cấp và vốn tự bổ sung nêu trên, Quỹ nhận tiền ký quỹ của các tổ chức về hoạt động khai thác khoáng sản.

b) Hoạt động cho vay:

Từ khi thành lập đến nay, Quỹ đã ký Hợp đồng tín dụng cho vay đầu tư 01 dự án với tổng mức đầu tư là: 7,2 tỷ đồng, vốn Quỹ cho vay là 5,2 tỷ đồng; số vốn đã giải ngân là 5,2 tỷ đồng; số tiền gốc đã thu là 5,2 tỷ đồng.

c) Hoạt động hỗ trợ và tài trợ:

Quỹ thực hiện việc hỗ trợ và tài trợ 85.686 tỷ đồng cho các công trình xây dựng di dời đóng cửa bãi rác Nông Tiến, hệ thống xử lý chất thải của bãi rác thải xã Nhữ Khê huyện Yên Sơn, công trình rãnh thoát nước các tuyến đường mầu tại các xã đạt chuẩn nông thôn mới huyện Chiêm Hóa, Na Hang, Lâm Bình, Yên Sơn, Sơn Dương và Hàm Yên; công trình lò đốt rác thải tại huyện Lâm Bình, Sơn Dương, Na Hang, Chiêm Hóa. Hỗ trợ lãi suất tiền vay cho các hộ dân thuộc các xã đăng ký về định hoàn thành xây dựng nông thôn mới làm hệ thống chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh.

Tuy nhiên, Quyết định số 17/2010/QĐ-UBND ngày 18/8/2010 và Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 31/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh được ban hành đã lâu, các căn cứ đã lạc hậu không còn phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, do vậy cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 6/01/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

Từ các vấn đề nêu trên, việc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế tổ chức hoạt động và quản lý sử dụng Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang thay thế Điều 2 Quyết định số 17/2010/QĐ-UBND ngày 18/8/2010 và Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 31/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang là cần thiết.

2. Mục đích, quan điểm xây dựng Quyết định

a) Mục đích: Xây dựng Quyết định nhằm kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế các căn cứ, nội dung không còn phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tế tại địa phương tại Quyết định số 17/2010/QĐ-UBND ngày 18/8/2010 và Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 31/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Quan điểm xây dựng Quyết định

- Quyết định được xây dựng phải bảo đảm phù hợp với Hiến pháp và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Kịp thời xử lý những nội dung không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, góp phần hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của địa phương, thúc đẩy kinh tế xã hội địa phương ngày càng phát triển.

3. Tên gọi Quyết định

Quyết định ban hành Quy chế tổ chức hoạt động và quản lý sử dụng Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang.

4. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 78/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 132/2015/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 6 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

5. Quá trình xây dựng dự thảo Quyết định

Sở Tài chính là cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: *“Quyết định số 17/2010/QĐ-UBND ngày 18/8/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc thành lập và ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang và Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 31/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang”*.

Trong quá trình xây dựng dự thảo Quyết định, Sở Tài chính nghiên cứu các văn bản pháp luật có liên quan và điều kiện thực tế tại địa phương để xây dựng dự thảo Quyết định gửi lấy ý kiến tham gia của Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tư pháp và Sở Kế hoạch và Đầu tư. Sau khi tiếp thu ý kiến đóng góp, hoàn thiện dự thảo, Sở Tài chính gửi Sở Tư pháp thẩm định. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Tài chính tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo gửi Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ban hành Quyết định.

6. Bố cục và nội dung cơ bản của dự thảo Quyết định: gồm 02 phần: Quyết định và Quy chế

6.1. Quyết định: gồm 3 Điều

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức hoạt động và quản lý sử dụng Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang *(có Quy chế kèm theo)*.

Điều 2.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm 2019.

2. Quyết định này thay thế Điều 2 Quyết định số 17/2010/QĐ-UBND ngày 18/8/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc thành lập và ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang.

3. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 31/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang.

Điều 3. Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định.

6.2. Quy chế

a) Chương I: Quy định chung, gồm 3 Điều:

- Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- Điều 2. Vị trí và chức năng
- Điều 3. Nguyên tắc hoạt động

b) Chương II: Nhiệm vụ và quyền hạn, gồm 02 Điều:

- Điều 4. Nhiệm vụ của Quỹ
- Điều 5. Quyền hạn của Quỹ

c) Chương III: Nguồn vốn và hoạt động của quỹ, gồm 9 Điều:

- Điều 6. Nguồn vốn
- Điều 7. Cấp phát, quản lý vốn
- Điều 8. Đối tượng được hỗ trợ tài chính và các hình thức hỗ trợ tài chính
- Điều 9. Cho vay với lãi suất ưu đãi
- Điều 10. Hỗ trợ lãi suất vay vốn
- Điều 11. Tài trợ và đồng tài trợ
- Điều 12. Nhận ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường
- Điều 13. Giám sát, kiểm tra việc sử dụng vốn của Quỹ
- Điều 14. Trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay

d) Chương IV: Tổ chức bộ máy, gồm 6 Điều:

- Điều 15. Cơ cấu tổ chức của Quỹ
- Điều 16. Hội đồng quản lý Quỹ
- Điều 17. Bộ phận điều hành nghiệp vụ Quỹ
- Điều 18. Hội đồng tư vấn chuyên ngành
- Điều 19. Chế độ đối với người làm việc

đ) Chương V: Thu chi tài chính quỹ, gồm 3 Điều:

- Điều 20. Các khoản thu tài chính của Quỹ để bảo đảm chi phí hoạt động
- Điều 21. Chi hoạt động của Quỹ
- Điều 22. Quản lý thu, chi tài chính của Quỹ

e) Chương VI: Chế độ kế toán và báo cáo tài chính, gồm 4 Điều:

- Điều 23. Chế độ tài chính
- Điều 24. Chế độ kế toán
- Điều 25. Chế độ báo cáo
- Điều 26. Thanh tra, kiểm tra

g) Chương VII: Tổ chức thực hiện, gồm 02 Điều:

- Điều 27. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan
- Điều 28. Điều khoản thi hành

7. Những vấn đề còn có ý kiến khác nhau: Không.

Vậy Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Quyết định ban hành Quy chế tổ chức hoạt động và quản lý sử dụng Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang. Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Dự thảo Quyết định ban hành Quy chế tổ chức hoạt động và quản lý sử dụng Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang;

2. Báo cáo thẩm định số: /BC-STP ngày / /2019 của Sở Tư pháp về thẩm định dự thảo Quyết định ban hành Quy chế tổ chức hoạt động và quản lý sử dụng Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang;

3. Bản giải trình tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân;

4. Bản sao ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để trình);
- Lưu: VT, QLNS (h2).

GIÁM ĐỐC

Hà Trung Kiên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG**

Số: /2019/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2019



QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức hoạt động và quản lý
sử dụng Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 78/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 132/2015/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 6 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số/TTr-STC ngày...tháng... năm 2019 về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động và quản lý sử dụng Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức hoạt động và quản lý sử dụng Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang (có Quy chế kèm theo).

Điều 2. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm 2019.
2. Quyết định này thay thế Điều 2 Quyết định số 17/2010/QĐ-UBND ngày 18/8/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc thành lập và ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang.
3. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 31/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục KTrVBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế, Bộ Tài chính;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBNDTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Như Điều 2 (thi hành);
- Báo TQ, Đài PT&TH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh; (đăng tải)
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các chuyên viên VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

Báo
cáo

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Phạm Minh Huân

QUY CHẾ

Tổ chức hoạt động và quản lý sử dụng Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2019/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về tổ chức hoạt động và quản lý sử dụng Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang (sau đây gọi tắt là Quỹ), bao gồm: vị trí và chức năng, nguyên tắc hoạt động, nhiệm vụ và quyền hạn, bộ máy quản lý điều hành, nguồn vốn hoạt động của Quỹ.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng cho Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đối với tổ chức và hoạt động của Quỹ.

Điều 2. Vị trí và chức năng

1. Quỹ là tổ chức tài chính nhà nước trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang và chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài chính.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có bảng cân đối kế toán riêng, có con dấu và được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước tỉnh và các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

3. Quỹ có chức năng tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước; tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản; các loại phí bảo vệ môi trường, các khoản bồi thường cho Nhà nước về thiệt hại môi trường; các nguồn tài trợ, đóng góp, ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhằm hỗ trợ tài chính cho các hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh để cho vay lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất, tài trợ cho các chương trình, dự án, các hoạt động, nhiệm vụ bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu không nằm trong kế hoạch ngân sách của tỉnh Tuyên Quang.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động

1. Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận nhưng phải bảo toàn vốn điều lệ (nếu có) và tự bù đắp chi phí quản lý, được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước đối với các hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Quỹ chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán về các hoạt động tài chính của các cơ quan quản lý nhà nước về tài chính và kiểm toán nhà nước.

3. Quỹ hoạt động công khai, minh bạch, bình đẳng và đúng pháp luật.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 4. Nhiệm vụ của Quỹ

1. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, các nguồn tài trợ, đóng góp, ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhằm hỗ trợ tài chính cho các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Cho vay vốn với lãi suất ưu đãi đối với các dự án bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Hỗ trợ lãi suất vay vốn cho các dự án bảo vệ môi trường vay vốn từ các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

4. Tài trợ, đồng tài trợ cho các hoạt động bảo vệ môi trường: Xử lý khắc phục ô nhiễm môi trường, ứng phó, khắc phục hậu quả do sự cố môi trường, thiên tai gây ra, các hoạt động phổ biến, tuyên truyền về quản lý, khai thác tài nguyên và môi trường; thực hiện các chương trình, dự án, kế hoạch, nhiệm vụ theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; hỗ trợ trao các giải thưởng về môi trường, các hình thức khen thưởng nhằm tôn vinh tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến về bảo vệ môi trường.

5. Nhận ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản với các tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản.

6. Nhận ký quỹ bảo đảm phế liệu nhập khẩu đối với các tổ chức và cá nhân trong nhập khẩu phế liệu.

7. Thực hiện một số cơ chế, chính sách tài chính đối với dự án đầu tư theo Cơ chế phát triển sạch (CDM), bao gồm:

a) Tổ chức theo dõi, quản lý, thu lệ phí bán chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận (CERs) được Ban Chấp hành quốc tế về CDM cấp cho các dự án CDM thực hiện tại tỉnh Tuyên Quang;

b) Chi hỗ trợ cho các hoạt động phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức về dự án đầu tư theo Cơ chế phát triển sạch (CDM); xem xét, phê duyệt tài liệu dự án CDM; quản lý và giám sát dự án CDM;

8. Hỗ trợ tài chính đối với các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy định của pháp luật.

9. Tổ chức thẩm định, phê duyệt mức, thời gian và hình thức hỗ trợ tài chính đối với các dự án, nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng vốn hỗ trợ từ Quỹ.

10. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định các nội dung và hình thức hỗ trợ phát sinh trong quá trình hoạt động.

11. Thực hiện các chương trình, đề án, dự án và nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 5. Quyền hạn của Quỹ

1. Tổ chức điều hành bộ phận nghiệp vụ hoạt động phù hợp với Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ và mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

2. Kiểm tra định kỳ và đột xuất các tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn vốn của Quỹ trong việc triển khai các hoạt động, nhiệm vụ và dự án bảo vệ môi trường. Quỹ có quyền rút vốn vay, đình chỉ tài trợ hoặc hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với các chủ đầu tư vi phạm cam kết với Quỹ hoặc vi phạm các quy định của Nhà nước; khởi kiện các chủ đầu tư vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Sử dụng vốn nhàn rỗi của Quỹ để gửi tại các ngân hàng thương mại nhằm mục đích bảo toàn và phát triển vốn cho Quỹ nhưng phải đảm bảo an toàn và đúng quy định của pháp luật.

4. Thực hiện và tiếp nhận các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để tăng cường năng lực cho Quỹ.

5. Từ chối yêu cầu của tổ chức hoặc cá nhân về việc cung cấp các thông tin của Quỹ nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ.

6. Được trực tiếp quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để kêu gọi, thu hút và tiếp nhận tài trợ hoặc huy động vốn bổ sung cho Quỹ theo quy định của pháp luật.

Chương III

NGUỒN VỐN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 6. Nguồn vốn

Vốn hoạt động của Quỹ được hình thành từ các nguồn sau:

1. Vốn điều lệ của Quỹ do ngân sách nhà nước cấp tùy vào tình hình thực tế của ngân sách địa phương. Vốn điều lệ của Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ sau khi thống nhất ý kiến với Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và Giám đốc Sở Tài chính.

2. Vốn hoạt động bổ sung hàng năm từ các nguồn khác, bao gồm:

- a) Các loại phí bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.
- b) Các khoản bồi thường cho Nhà nước về thiệt hại môi trường nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;
- c) Các khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện, ủy thác đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
- d) Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

d) Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Các nguồn thu:

a) Các khoản lãi suất từ vốn điều lệ (nếu có).

b) Các khoản lãi suất từ nguồn ngân sách cấp bổ sung nhân rồi gửi tại tổ chức tín dụng (bao gồm các khoản cấp bổ sung quy định tại khoản 2, Điều 6 Quy chế này).

c) Lãi do thực hiện hoạt động cho vay;

Điều 7. Cấp phát, quản lý vốn

1. Đối với vốn điều lệ: Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cấp vốn điều lệ tùy vào tình hình thực tế của ngân sách địa phương (nếu có) cho Quỹ vào tài khoản của Quỹ mở tại Kho bạc Nhà nước theo các quy định của Luật Ngân sách và các quy định của pháp luật khác.

2. Đối với vốn hoạt động bổ sung từ tiền bồi thường cho Nhà nước về thiệt hại môi trường và tiền phí bảo vệ môi trường:

- Đối với ngân sách tỉnh: Hàng quý, bộ phận nghiệp vụ Quỹ đối chiếu xác nhận các khoản tiền bồi thường cho Nhà nước về thiệt hại môi trường, tiền phí bảo vệ môi trường do các tổ chức, cá nhân nộp vào ngân sách tỉnh với Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang gửi Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định cấp kinh phí bổ sung theo quy định, chuyển vào tài khoản của Quỹ mở tại Kho bạc Nhà nước hoặc các Ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật.

- Đối với ngân sách huyện: Hàng quý, phòng Tài chính Kế hoạch các huyện, thành phố đối chiếu xác nhận các khoản tiền bồi thường cho Nhà nước về thiệt hại môi trường, tiền phí bảo vệ môi trường do các tổ chức, cá nhân nộp vào ngân sách huyện với Kho bạc Nhà nước huyện, thành phố trình Ủy ban nhân dân huyện, thành phố xem xét quyết định cấp kinh phí bổ sung theo quy định, chuyển vào tài khoản của Quỹ mở tại Kho bạc Nhà nước hoặc các Ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật.

Chương V

CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG

Điều 8. Đối tượng được hỗ trợ tài chính và các hình thức hỗ trợ tài chính

1. Đối tượng được hỗ trợ tài chính từ Quỹ

a) Các tổ chức, cá nhân có các chương trình, dự án đầu tư hoặc phương án đề nghị tài trợ thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; các dự án đầu tư thực hiện việc phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang hoặc giải quyết các vấn đề môi trường cục bộ nhưng có phạm vi ảnh hưởng lớn, các hạng mục nhằm bảo vệ môi trường thuộc các chương trình, nhiệm vụ, dự án.

b) Đối tượng được hỗ trợ tài chính phải đáp ứng các quy định cho từng hình thức hỗ trợ quy định tại Quy chế này.

2. Hình thức hỗ trợ: Quỹ hỗ trợ tài chính cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này dưới các hình thức:

a) Cho vay vốn với lãi suất ưu đãi các dự án về bảo vệ môi trường.

b) Hỗ trợ lãi suất vay vốn các dự án về bảo vệ môi trường.

c) Tài trợ, đồng tài trợ cho các hoạt động bảo vệ môi trường: Xử lý khắc phục ô nhiễm môi trường, ứng phó, khắc phục hậu quả do sự cố môi trường, thiên tai gây ra, các hoạt động phổ biến, tuyên truyền về quản lý, khai thác tài nguyên và môi trường; thực hiện các chương trình, dự án, kế hoạch, nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; hỗ trợ trao các giải thưởng về môi trường, các hình thức khen thưởng nhằm tôn vinh tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến về bảo vệ môi trường.

d) Thực hiện các chương trình, đề án, dự án và nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

đ) Thực hiện các khoản chi khác theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 9. Cho vay với lãi suất ưu đãi

1. Đối tượng được vay vốn với lãi suất ưu đãi là các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế, có nhu cầu và đề nghị vay vốn để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường phù hợp với quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 8 Quy chế này.

2. Quỹ cho vay theo nguyên tắc có hoàn trả và có lãi. Các đối tượng vay vốn phải có khả năng tài chính để hoàn trả đầy đủ và đúng hạn vốn vay, sử dụng vốn vay đúng mục đích.

3. Mức vốn cho vay và thẩm quyền quyết định cho vay.

a) Mức vốn cho vay của một dự án không được vượt quá 70% (Bảy mươi phần trăm) tổng mức đầu tư của dự án.

b) Thẩm quyền quyết định cho vay: Hội đồng quản lý Quỹ quy định mức vốn cho vay trong từng thời kỳ đối với từng nhóm đối tượng vay và Giám đốc Quỹ quyết định cho vay đối với từng dự án. Với mức vay từ 200 triệu đồng trở lên Giám đốc Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định. Với mức vay nhỏ hơn 200 triệu đồng Giám đốc Quỹ xem xét Quyết định và chịu trách nhiệm toàn diện quyết định của mình đối với số tiền cho vay và thu hồi tiền vay, đồng thời báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định.

4. Thời hạn vay vốn:

a) Thời hạn cho vay được xác định phù hợp với khả năng nguồn vốn của Quỹ; điều kiện cụ thể của chương trình, dự án vay vốn; phù hợp với chu kỳ sản xuất kinh doanh và khả năng trả nợ của người vay nhưng tối đa không quá 05

(năm) năm kể cả 01 (một) năm ân hạn. Trường hợp đặc biệt do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

b) Thời gian ân hạn cho một dự án tối đa là 12 tháng.

5. Lãi suất cho vay: Hội đồng quản lý Quỹ quyết định mức lãi suất cho vay cụ thể trong từng thời kỳ. Lãi suất cho vay của Quỹ là lãi suất ưu đãi với lãi suất tối đa không vượt quá 50% mức lãi suất cho vay thông thường bình quân của các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh công bố cùng thời kỳ.

6. Trường hợp đối tượng vay vốn vi phạm các điều khoản quy định tại Hợp đồng vay vốn, trả nợ không đúng hạn, đối tượng vay vốn phải chịu lãi suất nợ quá hạn. Lãi suất nợ quá hạn được tính theo mức lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

7. Trình tự thủ tục vay vốn, phân loại nợ, trích lập, sử dụng quỹ dự phòng rủi ro, xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro, bảo đảm tiền vay đối với hoạt động cho vay thực hiện theo quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ, quyết định của Hội đồng Quản lý Quỹ và các quy định hiện hành.

Điều 10. Hỗ trợ lãi suất vay vốn

1. Đối tượng được hỗ trợ lãi suất vay vốn: là các tổ chức, cá nhân có chương trình, nhiệm vụ, dự án hoạt động bảo vệ môi trường thuộc đối tượng quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 8 Quy chế này có vay vốn từ các tổ chức tín dụng khác thì được xem xét, hỗ trợ lãi suất vay vốn từ Quỹ.

2. Nguyên tắc xác định và cấp hỗ trợ lãi suất:

a) Chủ đầu tư chỉ được nhận hỗ trợ lãi suất đối với số vốn vay đầu tư tại các tổ chức tín dụng trong phạm vi tổng mức đầu tư của dự án vào lĩnh vực môi trường. Chủ đầu tư không được hỗ trợ lãi suất đối với khoản nợ quá hạn của dự án.

b) Chỉ hỗ trợ lãi suất khi dự án đầu tư vào lĩnh vực môi trường đã hoàn thành đưa vào sử dụng và hoàn trả được vốn vay cho các tổ chức tín dụng.

c) Dự án được cơ quan nhà nước về môi trường Trung ương hoặc tỉnh Tuyên Quang xác nhận đã thực hiện hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ môi trường hoặc giải quyết các vấn đề về môi trường.

3. Mức hỗ trợ lãi suất:

a) Mức hỗ trợ lãi suất: Do Hội đồng quản lý Quỹ quy định, nhưng không vượt quá mức lãi suất cho vay ưu đãi tại thời điểm ký hợp đồng hỗ trợ lãi suất quy định tại Điều 9 của Quy chế này.

b) Công thức xác định mức hỗ trợ lãi suất như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng} & & \text{Số nợ gốc} & & \text{Tỷ lệ (\%) mức hỗ} & & \text{Thời hạn thực vay trong} \\ \text{giá trị} & & \text{được hỗ} & & \text{trợ lãi suất được} & & \text{hạn tính theo năm đối} \\ \text{hỗ trợ} & = & \text{trợ lãi} & \times & \text{HĐQL Quỹ phê} & \times & \text{với số nợ gốc được hỗ} \\ \text{lãi suất} & & \text{suất} & & \text{duyet} & & \text{trợ lãi suất} \end{array}$$

4. Lập kế hoạch hỗ trợ lãi suất

Hàng năm căn cứ vào kế hoạch bổ sung vốn ngân sách nhà nước chi cho Quỹ, Giám đốc Quỹ lập kế hoạch trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định kế hoạch hỗ trợ cho các đối tượng.

Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục các dự án vay vốn và hỗ trợ lãi suất.

Điều 11. Tài trợ và đồng tài trợ

1. Đối tượng được xem xét tài trợ và đồng tài trợ bao gồm các tổ chức, cá nhân có các chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ và hoạt động bảo vệ môi trường như sau:

a) Xử lý, khắc phục ô nhiễm môi trường, ứng phó khắc phục hậu quả do sự cố môi trường hoặc thiên tai gây ra;

b) Phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho cộng đồng về bảo vệ môi trường.

c) Tổ chức, hỗ trợ các giải thưởng về môi trường, các hình thức khen thưởng nhằm tôn vinh tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến về bảo vệ môi trường;

d) Các chương trình, kế hoạch, dự án, đề án theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Các dự án đầu tư hoạt động bảo vệ môi trường quy định tại Quy chế này.

2. Điều kiện được xem xét tài trợ, đồng tài trợ:

a) Kế hoạch, nhiệm vụ, dự án thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Chương trình, dự án hoạt động bảo vệ môi trường đạt được các tiêu chuẩn xét chọn tài trợ hoặc đồng tài trợ quy định trong Quy chế xét chọn dự án của Hội đồng quản lý Quỹ.

c) Hồ sơ xin tài trợ hoặc đồng tài trợ được Quỹ chấp thuận và tiến hành ký Hợp đồng tài trợ hoặc đồng tài trợ.

3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin tài trợ và đồng tài trợ, giám sát quá trình tài trợ và đồng tài trợ thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

4. Mức tài trợ

Tùy theo quy mô, tính chất của từng chương trình, dự án bảo vệ môi trường thực hiện trên địa bàn tỉnh Giám đốc Quỹ đề nghị mức tài trợ, đồng tài trợ, trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định và phù hợp với khả năng nguồn vốn của Quỹ cho phép.

5. Thẩm quyền Quyết định mức tài trợ

a) Đối với các dự án có tổng mức vốn đầu tư từ 01 tỷ đồng trở lên, Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định.

b) Đối với các dự án có mức vốn đầu tư nhỏ hơn 01 tỷ đồng trở xuống, Giám đốc quỹ trình Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

6. Hàng năm, căn cứ kế hoạch vốn bổ sung và nhu cầu tài trợ của các đối

tượng, Giám đốc Quỹ lập kế hoạch tài trợ cho các đối tượng trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt và báo cáo Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 12. Nhận ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường

1. Đối tượng ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản: các tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được phép ký quỹ:

a) Nộp tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản tại Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh.

b) Tiền ký quỹ được hưởng lãi suất tiền gửi theo quy định của pháp luật.

c) Tổ chức, cá nhân chỉ được rút tiền lãi sau khi có giấy xác nhận hoàn thành toàn bộ nội dung cải tạo, phục hồi môi trường.

3. Trách nhiệm của Quỹ:

a) Tiếp nhận tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản của các tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản.

b) Xác nhận đã ký quỹ cho tổ chức, cá nhân và gửi cho cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án hoặc đề án bổ sung, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường địa phương.

c) Hoàn trả tiền ký quỹ và lãi suất tiền ký quỹ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định.

d) Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng tiền ký quỹ theo đúng quy định của pháp luật.

đ) Đôn đốc các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản ký quỹ đúng hạn; kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm quy định về nộp tiền ký quỹ.

4. Trình tự, thủ tục nhận ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật.

5. Nhận ký quỹ bảo đảm phế liệu nhập khẩu theo quy định của Chính phủ.

Điều 13. Giám sát, kiểm tra việc sử dụng vốn của Quỹ

1. Quỹ có trách nhiệm kiểm tra định kỳ và đột xuất các tổ chức, cá nhân có sử dụng vốn của Quỹ trong quá trình triển khai các hoạt động, nhiệm vụ và dự án bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo việc sử dụng vốn của Quỹ đúng mục đích, đúng đối tượng đã được cam kết trong các văn bản, hợp đồng đã ký kết giữa các tổ chức, cá nhân này và Quỹ.

2. Trường hợp phát hiện các chủ đầu tư vi phạm cam kết với Quỹ hoặc vi phạm các quy định của nhà nước, Quỹ có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền rút vốn vay, đình chỉ hỗ trợ lãi suất vay, tài trợ và đồng tài trợ đối với các chủ đầu tư và khởi kiện tới cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Việc giám sát, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với các chủ đầu tư sử dụng vốn của Quỹ được thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 14. Trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay

1. Quỹ được trích lập Quỹ dự phòng rủi ro để bù đắp tổn thất do nguyên nhân khách quan phát sinh trong quá trình cho vay các dự án bảo vệ môi trường.

2. Mức trích lập Quỹ dự phòng rủi ro hàng năm tối thiểu bằng 0,2% (Không phải hai phần trăm) tính trên dư nợ cho vay hàng năm của Quỹ. Việc trích lập thực hiện mỗi năm một lần khi kết thúc năm tài chính.

3. Quỹ dự phòng rủi ro được sử dụng để bù đắp các khoản rủi ro của các dự án phát sinh do nguyên nhân bất khả kháng như: tổn thất do thiên tai, hỏa hoạn sau khi sử dụng tiền bồi thường của cơ quan bảo hiểm (nếu có) để giảm trừ tổn thất.

4. Cuối năm, nếu không sử dụng hết Quỹ dự phòng rủi ro, số dư của quỹ được chuyển sang Quỹ dự phòng rủi ro năm sau. Trường hợp số dư Quỹ dự phòng rủi ro không đủ bù đắp tổn thất phát sinh trong năm, Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

5. Thẩm quyền xử lý rủi ro

- Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định gia hạn nợ, miễn giảm lãi tiền vay và khoan nợ trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ. Thời hạn gia hạn nợ tối đa bằng một phần ba (1/3) thời hạn vay vốn ghi trong Hợp đồng tín dụng.

- Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định xóa nợ theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

Chương IV

TỔ CHỨC BỘ MÁY

Điều 15. Cơ cấu tổ chức của Quỹ

Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm:

1. Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Bộ phận điều hành nghiệp vụ Quỹ.

3. Trong quá trình thẩm định các chương trình, dự án, nhiệm vụ và hoạt động bảo vệ môi trường được đề nghị hỗ trợ tài chính, tùy theo mức độ phức tạp của chương trình, dự án, Quỹ được thành lập các Hội đồng tư vấn chuyên ngành.

Điều 16. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ có 05 (năm) thành viên gồm: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 03 ủy viên Hội đồng, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, kiêm Giám đốc Quỹ là Giám đốc

Sở Tài nguyên và Môi trường;

c) Các Ủy viên Hội đồng là lãnh đạo Sở Tài chính, lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư và Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường.

2. Các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

3. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số, trong trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo phía có quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ; định kỳ họp để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách trong trường hợp cần thiết;

b) Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ phải có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Hội đồng tham dự, được ghi thành biên bản. Biên bản họp là căn cứ để Hội đồng quản lý Quỹ ban hành các Quyết định và các văn bản theo quy định;

c) Đối với những công việc có liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội, các hội, các hiệp hội, các tổ chức phi chính phủ không có thành viên tham gia Hội đồng quản lý Quỹ thì mời đại diện có thẩm quyền của các tổ chức cơ quan có liên quan tham dự phiên họp; đại diện của các cơ quan này có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết;

d) Chi phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ được hạch toán vào chi phí quản lý của Quỹ theo quy định hiện hành của nhà nước.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

a) Quản lý Quỹ theo quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật khác liên quan;

b) Quyết định phương hướng, kế hoạch hoạt động, huy động vốn, hỗ trợ, tài trợ tài chính; phê duyệt kế hoạch tài chính, báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính và quyết toán của Quỹ;

c) Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và các quy định có liên quan phục vụ hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ;

d) Ủy quyền cho Giám đốc Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trong phạm vi được ủy quyền. Hội đồng quản lý Quỹ chịu trách nhiệm cuối cùng đối với các nội dung ủy quyền;

đ) Phê duyệt danh mục, tiêu chí lựa chọn và quy trình xem xét cho vay vốn, tài trợ các chương trình, dự án, nhiệm vụ và hoạt động bảo vệ môi trường được sử dụng nguồn vốn của Quỹ;

e) Giám sát, kiểm tra Bộ phận điều hành nghiệp vụ Quỹ trong việc thực

hiện Quy chế của Quỹ và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

g) Thành lập Hội đồng tư vấn chuyên ngành theo đề nghị của Giám đốc Quỹ;

h) Hội đồng quản lý Quỹ sử dụng bộ máy và con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình;

i) Quyết định cho vay vốn, hỗ trợ lãi suất vay, tài trợ và đồng tài trợ và các hoạt động nghiệp vụ khác theo thẩm quyền.

i) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Bộ phận điều hành nghiệp vụ Quỹ

1. Cơ cấu tổ chức: Bộ phận điều hành nghiệp vụ Quỹ gồm: Giám đốc, Kế toán và bộ phận chuyên môn nghiệp vụ;

a) Giám đốc Quỹ là Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ;

b) Kế toán Quỹ do Giám đốc Quỹ đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét bổ nhiệm, miễn nhiệm;

c) Bộ phận chuyên môn nghiệp vụ của Quỹ do Giám đốc Quỹ đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ xem xét quyết định.

2. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ, có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ theo các quy định của pháp luật;

b) Xây dựng kế hoạch thu chi tài chính, kế hoạch hỗ trợ tài chính của Quỹ hằng năm trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt và tổ chức thực hiện;

c) Báo cáo định kỳ về tình hình huy động vốn, hỗ trợ tài chính và báo cáo tài chính hằng năm của Quỹ với Hội đồng quản lý Quỹ;

d) Đề xuất thành lập các Hội đồng tư vấn chuyên ngành trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định;

đ) Trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ Quỹ;

e) Đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm Kế toán Quỹ;

g) Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

h) Tham gia các phiên họp thường kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ và được góp ý vào các nội dung của phiên họp;

i) Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình theo quy định của pháp luật;

k) Báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Quy chế này và các quy định khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ;

l) Thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân cấp của Hội đồng quản lý Quỹ;

m) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo quy định của pháp luật;

3. Kế toán Quỹ có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Bộ phận chuyên môn nghiệp vụ Quỹ

Bộ phận chuyên môn nghiệp vụ Quỹ được sử dụng cán bộ của Sở Tài nguyên và Môi trường để giúp việc cho Quỹ, có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ giao.

Điều 18. Hội đồng tư vấn chuyên ngành

1. Khi có yêu cầu nhiệm vụ cần phải mời các chuyên gia tư vấn trong việc tư vấn cho Quỹ đánh giá, tuyển chọn, thẩm định các chương trình, dự án, nhiệm vụ và hoạt động bảo vệ môi trường đề nghị được hỗ trợ tài chính. Giám đốc Quỹ đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập Hội đồng tư vấn chuyên ngành, tư vấn cho Quỹ trong việc đánh giá, tuyển chọn, thẩm định các chương trình, dự án, nhiệm vụ và hoạt động bảo vệ môi trường đề nghị được hỗ trợ tài chính.

2. Thành viên của Hội đồng tư vấn chuyên ngành phải có năng lực, phẩm chất, trình độ chuyên môn phù hợp với nội dung được đề nghị hỗ trợ tài chính.

3. Hội đồng tư vấn chuyên ngành làm việc theo quy chế do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành.

4. Chi phí cho hoạt động của Hội đồng tư vấn chuyên ngành được tính vào chi phí quản lý của Quỹ.

Điều 19. Chế độ đối với người làm việc

1. Cán bộ kiêm nhiệm làm việc cho Quỹ được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành.

2. Kinh phí chi trả chế độ phụ cấp kiêm nhiệm được chi từ chi phí quản lý Quỹ.

Chương V

THU CHI TÀI CHÍNH QUỸ

Điều 20. Các khoản thu tài chính của Quỹ để bảo đảm chi phí hoạt động

1. Thu lãi cho vay từ các dự án vay của Quỹ.

2. Thu lãi tiền gửi của Quỹ tại các ngân hàng thương mại.

3. Các khoản thu phạt do các đối tượng sử dụng vốn của Quỹ vi phạm hợp đồng.

4. Thu phí dịch vụ nhận ủy thác theo hợp đồng ủy thác.

5. Thu nợ đã xóa nay thu hồi được.

6. Các khoản thu nghiệp vụ khác phát sinh trong quá trình hoạt động.

Điều 21. Chi hoạt động của Quỹ

Chi phí hoạt động quản lý của Quỹ là các khoản chi phí phát sinh trong kỳ cần thiết cho hoạt động của Quỹ, có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật, bao gồm:

1. Chi cho bộ máy quản lý Quỹ

1.1. Chi trả phụ cấp kiêm nhiệm đối với thành viên Hội đồng quản lý, đội ngũ cán bộ tham gia hoạt động Quỹ (mức phụ cấp của từng thành viên do Hội đồng quản lý Quỹ Quyết định).

1.2. Chi cho hoạt động quản lý Quỹ

a) Chi sửa chữa, bảo dưỡng tài sản; chi thuê, mua công cụ, dụng cụ lao động, tài sản, thiết bị, văn phòng phẩm phục vụ hoạt động của Quỹ;

b) Chi phí dịch vụ mua ngoài: Tiền điện, nước, điện thoại, bưu chính viễn thông; kiểm toán, dịch vụ pháp lý;

c) Chi công tác phí, chi phụ cấp tàu xe cho cán bộ và nhân viên của Quỹ BVMTVN đi công tác trong và ngoài nước theo chế độ của Nhà nước quy định;

d) Chi phí giao dịch, đối ngoại, chi phí hội nghị, lễ lân, khánh tiết theo quy định của pháp luật;

đ) Các khoản chi phí khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi hoạt động nghiệp vụ

a) Chi phí liên quan đến hoạt động cho vay và nhận ủy thác;

b) Chi trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay theo quy định về hướng dẫn hoạt động nghiệp vụ của Quỹ;

c) Chi trả tiền lãi ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản và bảo đảm phế liệu nhập khẩu;

d) Chi cho hoạt động nghiệp vụ khác.

4. Chi khen thưởng cho các tổ chức và các cá nhân có thành tích trong công tác bảo vệ môi trường theo quy định của Luật thi đua khen thưởng.

5. Mức chi, thẩm quyền ban hành:

Mức chi theo quy định hiện hành. Trường hợp chưa có quy định, Giám đốc Quỹ căn cứ vào khả năng tài chính của Quỹ xây dựng định mức, kế hoạch trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt.

Điều 22. Quản lý thu, chi tài chính của Quỹ

1. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm xây dựng kế hoạch để làm căn cứ điều hành hoạt động của Quỹ.

2. Các khoản thu, chi của Quỹ được hạch toán, quyết toán theo danh mục các khoản thu, chi nêu trên trên cơ sở các chứng từ hợp pháp, hợp lệ.

3. Quỹ có trách nhiệm thực hiện thu đúng, thu đủ và kịp thời các khoản thu phát sinh trong quá trình hoạt động vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước để quản lý theo quy định.

Chương VI

CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Điều 23. Chế độ tài chính

1. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch của năm.

2. Chế độ tài chính của Quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Hàng năm, Quỹ có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thu chi tài chính Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ trước khi gửi cơ quan cấp trên thẩm định, phê duyệt theo quy định hiện hành.

3. Quỹ là tổ chức tài chính nhà nước, hạch toán độc lập, chi phí cho hoạt động quản lý và điều hành bộ máy được lấy từ các nguồn thu của Quỹ quy định tại khoản 3, Điều 6 Quy chế này.

Điều 24. Chế độ kế toán

1. Quỹ áp dụng chế độ Kế toán Hành chính sự nghiệp hiện hành do Bộ Tài chính ban hành.

2. Bộ phận kế toán Quỹ phải mở sổ kế toán ghi chép, theo dõi, hạch toán kế toán các khoản thu, chi của Quỹ; bảo đảm mọi khoản thu, chi của Quỹ theo dự toán được duyệt, có chứng từ hợp pháp, hợp lệ; cuối năm tổ chức lập báo cáo quyết toán tài chính theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 25. Chế độ báo cáo

1. Quỹ lập và gửi các báo cáo nghiệp vụ, báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, báo cáo kế toán và các báo cáo khác theo định kỳ (quý, năm), đột xuất cho Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan theo quy định.

2. Kết thúc năm hoạt động, Quỹ phải lập và gửi báo cáo quyết toán cho cơ quan tài chính theo quy định. Báo cáo quyết toán hàng năm của Quỹ do Bộ phận điều hành nghiệp vụ của Quỹ tổng hợp trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua, gửi Sở Tài chính kiểm tra, thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn cùng kỳ với báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách địa phương.

3. Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo.

Điều 26. Thanh tra, kiểm tra

1. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức việc thực hiện thu, chi tài chính của Quỹ theo đúng các quy định pháp luật và Quy chế này.

2. Quỹ chịu sự kiểm tra, giám sát tài chính của Sở Tài chính gồm: kiểm tra Báo cáo kế toán và Báo cáo quyết toán định kỳ hoặc đột xuất.

3. Quỹ chịu sự thanh tra, kiểm tra chuyên đề theo từng yêu cầu của công tác quản lý tài chính.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

1. Sở Tài nguyên và Môi trường, Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang có trách nhiệm hướng dẫn các tổ chức và cá nhân quản lý và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ, tài trợ, vốn vay từ Quỹ theo đúng các cơ chế, chính sách tài chính hiện hành.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ, bảo đảm Quỹ hoạt động theo đúng quy định, có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn.

Điều 28. Điều khoản thi hành

1. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh ngoài Quy chế này cần bổ sung, điều chỉnh, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổng hợp, đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp.

2. Hội đồng Quản lý Quỹ, bộ phận nghiệp vụ chuyên môn của Quỹ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Phạm Minh Huân